TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 248/2021/HSPT
Ngày: 15/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 219/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của hai bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1307/2021/QĐXXPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **NGUYỄN THỊ BÍCH TH**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982, tại Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn B1 (s) và bà Đỗ Thị H (s); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt giam ngày 03/4/2019. Có mặt.

2. **HỒ CẨM U**, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1989, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: H6/1K136 Đường T, phường T1, quận T2, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hồ Xuân B2 (s) và bà Ngô Thị Minh H1 (s); có chồng là Nguyễn Văn S; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt giam ngày 18/4/2019. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thị Bích Th: Luật sư Võ Văn Đ2 - Văn phòng luật TH, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Hồ Cẩm U: Luật sư Hà Đồng T1 - Văn phòng luật sư H2, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Vy P, sinh năm 1984 và ông Trương Duy H2, sinh năm 1979. Cùng trú tại: Số 384/6 đường Đ2, phường T3, quận T2, thành phố Đà Nẵng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị Minh H1, sinh năm 1959. Trú tại: H6/1 K136 đường T, tổ 35, phường T1, quận T2, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q), mã số doanh nghiệp: 0401864180, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17.11.2017, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/11/2017; địa chỉ trụ sở chính tại 319 đường Đ2, phường H3, quận T2, tp Đà Nẵng, địa chỉ trụ sở hiện nay tại 155 đường N1, phường M, quận N1, tp Đà Nẵng, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Bích Th - chức vụ Tổng giám đốc. Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó có kinh doanh bất động sản và dịch vụ môi giới bất động sản.

Quá trình hoạt động kinh doanh, Th liên hệ với các đối tượng môi giới bất động sản xin hồ sơ Dự án Bệnh viện Đa khoa HX đã bị UBND thành phố thu hồi trước đó. Thông qua Phạm Hữu P1 (Trú tại 25 đường P2, quận S1, tp Đà Nẵng) giới thiệu, Th gặp và ký kết Hợp đồng dịch vụ khảo sát và tư vấn giá chuyển quyền sử dụng đất ngày 21/5/2018 với Nguyễn Vinh H4 (Trú tổ 71, phường H5, quận N1, tp Đà Nẵng). Nội dung Hợp đồng quy định việc ông H4 thực hiện việc khảo sát, tư vấn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện các thủ tục nhằm hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 184 lô đất thuộc phân khu B2-1, B2-2, B2-6, B2-7 nằm trong phạm vi điều chỉnh Quy hoạch 1/500 khu vực Bệnh viện Đa khoa HX theo Quyết định số 7754/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của UBND TP Đà Nẵng với giá 6.500.000 đồng/1m^2. Hợp đồng có thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Công ty Q treo tiền vào tài khoản ngân hàng.

Theo nội dung Hợp đồng thì sau 05 ngày Công ty Q phải làm thủ tục bảo lãnh ngân hàng không hủy ngang số tiền 28.000.000.000 đồng để đảm bảo cho việc thực hiện đấu giá. Th sử dụng pháp nhân Công ty Q liên hệ Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) giới thiệu là chủ đầu tư Dự án Khu dân cư MB và Khu dân cư đường Đ3, quận C, thành phố Đà Nẵng đề nghị Ngân hàng S thu xếp vốn. Ngày 06/6/2018, Ngân hàng S có văn bản số CKTXV/274.060618-DNA cam kết sẽ thu xếp nguồn vốn tín dụng tối đa là 50.000.000.000 đồng cho Công ty Q với điều kiện dự án khả thi, được cấp phép và Công ty Q ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S.

Ngày 21/5/2018, Th tự soạn thảo bản Hợp đồng dịch vụ khảo sát và tư vấn giá chuyển quyền sử dụng đất mới với nội dung Nguyễn Vinh H4 thực hiện vụ khảo sát, tư vấn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện các thủ tục nhằm hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 121 lô đất khu dân cư Nam cầu C (đường Đ3) với giá 6.000.000 triệu đồng/1m^2, Th ký tên và đóng dấu Công ty Q vào bên sử dụng dịch vụ và giả chữ ký của Nguyễn Vinh H4 để ký vào bên cung cấp dịch vụ trong Hợp đồng. Sau đó, Th liên hệ Ngân hàng S để xin văn bản cam kết thu xếp số vốn 250.000.000.000 đồng số CKTXV/356.290618-DNA ngày 29/6/2018.

Th soạn thảo sẵn Phương án kinh doanh; Hợp đồng trích thưởng; Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản; Đơn xin mua dự án; Thư quan tâm gửi UBND thành phố và các Sở ban ngành có liên quan để xin tham gia đấu giá dự án khu dân cư Nam cầu C. Tuy nhiên do Công ty Q không đảm bảo được năng lực tài chính như điều khoản hợp đồng đã ký và các lô đất này đang do UBND tp Đà Nẵng quản lý, chưa có chủ trương đầu tư quy hoạch nên Hợp đồng giữa Công ty Q và Nguyễn Vinh H4 tự động hết hiệu lực.

Tại Công văn số 179/TTPTQĐ-QL&PTQĐ ngày 26/3/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất tp Đà Nẵng nêu rõ: Diện tích đất được Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Q đặt tên "Khu dân cư Nam C" và 121 lô đất mặt tiền đường Đ3 rao bán vẫn do trung tâm phát triển quỹ đất tp Đà Nẵng đang quản lý theo chỉ đạo của UBND thành phố, chưa giao cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào để thực hiện đầu tư dự án bán đất nền.

Biên bản làm việc lúc 15h30 ngày 02/4/2019 tại Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng xác định: Quỹ đất chia lô tại các phân khu B2-1, B2-2, B2-6 và B2-7 thuộc dự án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL 1:500 theo QĐ 7754/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của UBND tp Đà Nẵng. 184 lô đất tại dự án này hiện chưa được đầu tư hạ tầng, không nằm trong quỹ đất do trung tâm phát triển quỹ đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND thành phố Đà Nẵng cho phép đấu giá quyền sử dụng đất. Đối với 121 lô đất mặt tiền đường Đ3, khu D khu dân cư Nam cầu C, phường HX nằm trong quỹ đất do Trung tâm

phát triển quỹ đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBND thành phố Đà Nẵng cho phép đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2017 nhưng đến nay vẫn chưa được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt chủ trương, giá khởi điểm để tiến hành các bước tiếp theo của quy trình thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Mặc dù, Công ty Q không phải là chủ đầu tư dự án cũng không được bất kỳ đơn vị, doanh nghiệp có thẩm quyền nào giao quyền phân phối các lô đất nêu trên, Nguyễn Thị Bích Th đã sử dụng pháp nhân Công ty Q, tuyển nhân viên tư vấn, thuê vẽ sơ đồ phân lô đất, đưa ra thông tin gian dối là Công ty có thẩm quyền phân phối, nhận tiền đặt cọc giữ chỗ và chuyển quyền sử dụng đất đối với các lô đất tại nêu trên với giá rẻ hơn giá đất được giao dịch trên thị trường, đồng thời hứa hẹn thời gian tổ chức mở bán và ký hợp đồng chuyển nhượng với khách hàng. Mục đích để các nhà đầu tư tin tưởng, liên hệ ký kết "Thỏa thuận cọc thiện chí" và "Thỏa thuận giữ chỗ" (kiêm phiếu thu thiện chí), nộp tiền giữ chỗ rồi chiếm đoạt, sử dụng tiền để "chạy" xin thủ tục pháp lý cho dự án và dùng tiền người nộp sau trả cho người nộp tiền trước (khi những người này nghi ngờ đòi lại tiền) và chi phí cho hoạt động của Công ty Q.

Từ ngày 20/7/2018 đến ngày 03/4/2019, với thủ đoạn như trên, Th nhận và chiếm đoạt của 191 người đặt tiền giữ chỗ mua 302 lô đất tại dự án Khu dân cư Nam C và tại dự án Khu dân cư đường Đ3, phường HX, quận C, TP Đà Nẵng số tiền 103.310.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Ông Vũ Công Q1: Ngày 20/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-40; Ngày 16/11/2018, ông Q1 nộp tiếp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-06, tổng nộp 200.000.000 đồng.

2. Ông Trần Đức L1: Ngày 23/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ lô đất ký hiệu B2.1-36.

3. Bà Phan Thị Đ4: Ngày 23/7/2018 nộp số tiền 975.000.000 đồng giữ chỗ cho 07 lô đất ký hiệu B2.1-41, B2.2-03, B2.2-24, B2.6-17, B2.1-33, B2.2-02, B2.1-23.

4. Ông Hà Xuân T4: Ngày 27/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.7-02.

5. Ông Văn Đình Q2: Ngày 30/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.1-07.

6. Bà Trần Thị Kim L2: Ngày 31/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.1-16.

7. Ông Lê Văn T5: Ngày 31/7/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất B2.1-28.

8. Hồ Thị Thanh Th1: Ngày 03/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất.

9. Bà Nguyễn Minh Tr: Ngày 15/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.7-09.

10. Ông Võ Văn Ph: Ngày 18.8.2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-06.

11. Ông Phạm Văn T6: Ngày 18/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-13. Ngày 28/02/2019, Th đã trả lại số tiền này cho ông T6.

12. Ông Nguyễn T7: Ngày 23/8/2018 nộp số tiền 940.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.2-39, B2.2-40, B2.2-41.

13. Bà Đặng Thị Đoan Tr1: Ngày 28/8/2018 nộp số tiền 1.050.000.000 đồng giữ chỗ 04 lô đất ký hiệu B2.6-1, B2.2-30, B2.2-31, B2.2-45.

14. Ông Nguyễn Th1: Ngày 28/8/2018 nộp số tiền 1.700.000.000 đồng giữ chỗ 08 lô đất ký hiệu B2.1-42, B2.1-43, B2.1-44, B2.1-45, B2.1-46, B2.2-42, B2.2-43.

15. Ông Trần Công M1: Ngày 28/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất B2.7-36. Đến ngày 12.01.2019 Th đã trả lại số tiền này cho ông M1.

16. Ông Ngô Đức H6: Ngày 28/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-10. Hiện Th đã trả lại tiền cho ông H6.

17. Ông Lê Trung H7: Ngày 29/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-18.

18. Ông Huỳnh Ng: Ngày 31/8/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-28.

19. Ông Đinh Xuân T8: Ngày 04/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-20.

20. Bà Đặng Thị Ánh Ng1: Ngày 11/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-10.

21. Ông Lê Thanh L3: Ngày 14/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-37.

22. Bà Trương Thị H8: Ngày 14/9/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.6-02, B2.6-37. Đến ngày 14/01/2019 Th đã trả lại số tiền này cho bà H8.

23. Bà Tăng Thị Bích H9: Ngày 18/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-14. Đến ngày 22/12/2018 Th đã trả lại số tiền trên cho bà H9.

24. Bà Lê Thị Thùy Tr1: Ngày 19/9/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-38.

25. Bà Trần Thị Th2: Ngày 19/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-05. Đến ngày 16/01/2019 Th đã trả lại số tiền trên cho bà Thật.

26. Ông Nguyễn Tường V: Ngày 21/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-03.

27. Ông Đặng Vĩnh P1: Ngày 24/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-08.

28. Bà Phạm Thị L4: Ngày 24/9/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-03.

29. Ông Phạm Ngọc V2: Ngày 24/9/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-04.

30. Ông Ngô Văn A: Ngày 24/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-13.

31. Ông Nguyễn Bảo Th3: Ngày 26/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-11.

32. Ông Nguyễn Tấn C1: Ngày 28/9/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-17.

33. Bà Đặng Thị Minh T8: Ngày 29/9/2018 nộp số tiền 150.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-32.

34. Ông Lương Phước H9: Tháng 10/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.1-26 và B2.1-30.

35. Ông Lê Đình H10: Ngày 08/10/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ cho 03 lô đất ký hiệu B2.1-15, B2.6-34, B2.6-46.

36. Ông Nguyễn Đức T9: Vào các ngày 08/10 và 15/10/2018 nộp tổng cộng 200.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.1-28 và B2.1-17.

37. Bà Lê Thị Bích H11: Ngày 09/10/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-12 và B2.7-01.

38. Bà Trần Thị Ngọc A1: Ngày 12/10/2018 nộp số tiền 800.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.6-1 và B2.2-25.

39. Ông Đoàn Ngọc Nh: Ngày 15/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-25.

40. Bà Phan Thị Thanh V4: Ngày 16/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-15.

41. Ông Trương Vĩnh Th4: Ngày 16/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-16.

42. Ông Trần Ngọc Ơn: Ngày 17/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-50.

43. Bà Trần Thị Thu H12: Ngày 18/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-49.

44. Ông Đào Bá A3: Ngày 19/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-30.

45. Ông Bùi Quang A4: Ngày 23.10.2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.1-39, B2.6-24, B2.7-03.

46. Ông Lưu Văn A5: Ngày 23/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-18.

47. Ông Lê Hữu A5: Ngày 23/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-29.

48. Ông Nguyễn Mạnh A7: Ngày 24/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-12.

49. Bà Nguyễn Thị Khánh A8: Ngày 24/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-26.

50. Ông Nguyễn Ngọc A9: Ngày 24/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-26.

51. Ông Trần Duy A10. Ngày 24/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-25.

52. Bà Nguyễn Phan Thùy A11: Ngày 24/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.1-34. Ngày 12/01/2019 Th đã trả lại tiền cho bà A11.

53. Ông Trần Công A12: Ngày 25/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-23.

54. Bà Mai Thị Ngọc A13: Ngày 25/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-16.

55. Bà Trần Khánh A14: Ngày 25/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-28.

56. Ông Nguyễn A15: Ngày 25/10/2018 nộp số tiền 5.050.000.000 đồng giữ chỗ 12 lô đất ký hiệu B2.32-403, B2.29-302, B2.29-303, B2.32-398, B2.29-314, B2.21-295, B2.32-402, B2.28-267, B2.28-268, B2.34-409, B2.34-410, B2.7-30.

57. Ông Lê Thanh A16: Ngày 26/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-13.

58. Bà Đỗ Thị A17: Ngày 26/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-45.

59. Ông Trần Bình P: Ngày 29/10/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-14.

60. Ông Trương Phú A18: Ngày 30/10/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-15.

61. Bà Nguyễn Thị Tùng A19: Ngày 01/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-22.

62. Ông Trần Văn A20: Ngày 01/11/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.1-24, B2.1-09, B2.1-29.

63. Ông Phạm Đức A21: Ngày 01/11/2018 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-19.

64. Ông Nguyễn A22: Ngày 05/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-11.

65. Ông Huỳnh Ngọc A23: Ngày 05/11/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.7-32 và B2.2-01. Hiện Th chưa trả lại tiền cho ông Khánh.

66. Ông Huỳnh A24: Ngày 06/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-40.

67. Bà Ngô Thị Kim A25: Ngày 08/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-19.

68. Ông Đặng Hữu A26: Ngày 08/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.7-34. Đến ngày 30/12/2018 Th trả lại số tiền này cho ông Thân.

69. Bà Nguyễn Thị A27: Ngày 14/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-05.

70. Bà Nguyễn Thị Lệ A28: Ngày 17/11/2018 nộp số tiền 650.000.000 đồng giữ chỗ cho 04 lô đất ký hiệu B2.29-311, B2.7-06, B2.7-07, B2.29-304.

71. Bà Đỗ Thị Minh A29: Ngày 19/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.7-28. Ngày 11/01/2019 Th đã trả lại tiền cho bà Phượng.

72. Bà Trần Thị Thủy A30: Ngày 20/11/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-14.

73. Ông Nguyễn A31: Ngày 28/11/2018 nộp số tiền 480.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.29-299.

74. Ông Nguyễn Đăng A32: Ngày 28/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.21-294.

75. Ông Trương Thanh A33: Ngày 29/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.21-296.

76. Ông Nguyễn Viết A34: Ngày 29/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-387.

77. Bà Nguyễn Thị Hồng A35: Ngày 29/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.32-391.

78. Ông Lê Quang A36: Ngày 29/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.32-388.

79. Ông Lê Đăng A37: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 800.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.32-391 và B2.32-393. Hiện Th chưa trả lại tiền cho ông A37.

80. Ông Lương Thế A38: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.29-312.

81. Ông Vũ Việt P: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.29-304.

82. Bà Nguyễn Hữu Thị A39: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-44 và B2.20-306.

83. Ông Hoàng Quốc A40: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.29-313.

84. Ông Lương Hữu A41: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 1.050.000.000 đồng giữ chỗ cho 04 lô đất ký hiệu B2.29-309, B2.29-310, B2.29-314, B2.28-265. Ngày 15.3.2019 Th đã trả lại tiền cho ông A41.

85. Ông Lâm Trí A42: Ngày 30/11/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.21-293. Ngày 29/12/2018 Th đã trả lại tiền cho ông A42.

86. Ông Nguyễn A43: Ngày 01/12/2018 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-349. Ngày 08/01/2019 Th đã trả lại tiền cho ông A43.

87. Ông Phạm Văn A44: Ngày 04/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-237. Ngày 10/01/2019 Th đã trả lại tiền cho ông A44.

88. Ông Nguyễn Xuân A45: Ngày 14/12/2018 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ cho 02 lô đất ký hiệu B2.3-476 và B2.3-477. Ngày 09/3/2019 Th đã trả lại tiền cho ông A45.

89. Bà Phạm Thị A46: Ngày 11/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.28-266.

90. Bà Võ Thị A47: Ngày 12/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-334.

91. Bà Phan Thị Cẩm A48: Ngày 13/12/2018 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.10-491 và B2.10-492.

92. Ông Huỳnh Văn A49: Ngày 13/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.29-307. Ngày 10/01/2019 Th đã trả lại tiền cho ông A49.

93. Ông Phạm Viết A50: Ngày 14/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-333. Ngày 25/12/2018 Th đã trả lại tiền cho ông A50.

94. Ông Lê Quang A51: Ngày 14/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-336. Ngày 12/01/2019 Th đã trả lại tiền này cho ông A51.

95. Ông Lê Công A52: Ngày 14/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-337. Ngày 12/01/2019 Th đã trả lại tiền cho ông A52.

96. Ông Dương A53: Ngày 14/12/2018 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ cho 01 lô đất ký hiệu B2.30-342. Ngày 19/12/2018 Th đã trả lại tiền cho ông A53.

97. Ông Nguyễn Hữu Hoàng A54: Ngày 18/12/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-7.

98. Bà Phan Thị Ngọc A55: Ngày 19/12/2018 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B.2-15.

99. Bà Nguyễn Thị Mỹ A56: Ngày 25/12/2018 nộp số tiền 1.580.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-327.

100. Ông Nguyễn Đắc A57: Ngày 26/12/2018 nộp số tiền 2.945.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.30-339 và B2.30-340.

101. Bà Nguyễn Thị Tuyết A58: Ngày 02/01/2019 và ngày 03/4/2019 nộp số tiền 600.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.32-401 và B2.7-36.

102. Ông Bùi Ngọc A59: Ngày 02/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-31.

103. Bà Nguyễn Thị Thu A60: Ngày 02/01/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-20.

104. Ông Nguyễn Trường A61: Ngày 02/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-12.

105. Bà Lê Thị Kim P: Ngày 04/01/2019 và ngày 08.3.2019 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.6-39 và B2.2-19.

106. Bà Nguyễn Thị Huyền A62: Ngày 04/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-10.

107. Ông Phạm Viết A63: Ngày 04/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-10.

108. Bà Trương Thị Kim A64: Ngày 05/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-38.

109. Bà Trần Thị Kim A65: Ngày 07/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-7.

110. Ông Nguyễn Thế A66: Ngày 09/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-23.

111. Ông Nguyễn Hoàng A67: Ngày 11/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng thông giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-12.

112. Ông Trương Út A68: Ngày 11/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-20.

113. Bà Nguyễn Thị A69: Ngày 11/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-01.

114. Ông Nguyễn Phan Hoàng A70: Ngày 11/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-14.

115. Ông Nguyễn Ngọc A71: Ngày 11/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-17.

116. Ông Nguyễn Đình A72: Ngày 14/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-29.

117. Bà Phan A73: Ngày 14/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-27.

118. Ông Trà Hoàng A74: Ngày 14/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-28.

119. Ông Nguyễn Thành A75: Ngày 14/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-33.

120. Ông Đỗ A76: Ngày 15/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng thông giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-23.

121. Bà Nguyễn Thị A77: Ngày 15/01/2019 nộp số tiền 350.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-25.

122. Ông Nguyễn Thạnh A78: Ngày 15/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-31.

123. Ông Nguyễn Tấn A79: Ngày 16/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-18.

124.Bà Lê Thị Kim A80: Ngày 17/01/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-24.

125. Ông Lưu Ngọc A81: Ngày 19/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-05.

126. Ông Nguyễn Xuân A82: Ngày 24/01/2019 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-22 và B2.2-30.

127. Bà Nguyễn Thị A83: Ngày 26/01/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-27.

128. Bà Lê Thị A4: Ngày 26/01/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-39.

129. Ông Vũ Thế A85: Ngày 28/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-31.

130. Ông Phan Hồng A86: Ngày 29/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-413.

131. Ông Phạm Văn A87: Ngày 29/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-419.

132. Bà Lê Tố A88: Ngày 29.01.2019 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.34-414 và B2.34-415.

133. Ông Đào Công A89: Ngày 29/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-410.

134. Ông Trương Châu A90: Ngày 29/01/2019 nộp số tiền 1.500.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.34-411, B2.34-412 và B2.1-02.

135. Ông Bùi Văn A91: Ngày 30 và 31/01/2019 nộp số tiền 800.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.34-418 và B2.6-35.

136. Ông Nguyễn Mạnh A92: Ngày 30/01/2019 nộp số tiền 2.000.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.30-335, B2.30-336, B2.32-396, B2.32-397.

137. Ông Trương Văn A93: Ngày 30/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-409.

138. Bà Lê Thị Phương A94 : Ngày 30/01/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-422.

139. Bà Nguyễn Thị Tú A95: Ngày 30/01/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-34.

140. Ông Nguyễn Sanh A96: Ngày 01/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-326.

141. Ông Phan Thanh A97: Ngày 01/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-417.

142. Ông Nguyễn Trường A98: Ngày 01/02/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-31.

143. Ông Bùi Tiến A99: Ngày 14/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-328.

144. Ông Tạ Văn B3: Ngày 14/02/2019 nộp số tiền 1.300.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.30-386 và B2.30-345. Hiện Th chưa trả lại tiền cho ông Hòa.

145. Ông Nguyễn Vinh B4: Ngày 14/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-349.

146. Ông Phan Văn B5: Ngày 14/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-343.

147. Ông Nguyễn Hoàng B6: Ngày 14/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-350.

148. Bà Lê Thị Hoàng B7: Ngày 15 và 27/02/2019 nộp số tiền 1.300.000.000 đồng đặt giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.30-332 và B2.9-603. Hiện Th chưa trả lại tiền cho bà Hằng.

149. Ông Nguyễn Đình B8: Ngày 15/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-331.

150. Ông Đỗ Phạm Thành B9: Ngày 15/02/2019 nộp số tiền 700.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-28 và B2.1-04.

151. Ông Lê Văn B10: Ngày 15/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-333.

152. Ông Nguyễn Chiêu B11: Ngày 15/02/2019 nộp số tiền 100.000.000 đồng đặt giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-02.

153. Ông Dương Tư B12: Ngày 18/02/2019 nộp số tiền 2.000.000.000 đồng đặt giữ chỗ 04 lô đất ký hiệu B2.30-343, B2.34-423, B2.6-22, B2.32-390.

154. Ông Trần Văn B13: Ngày 22.02.2019 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ cho 02 lô đất ký hiệu B2.32-394 và B2.32-395. Ngày 12.3.2019 Th đã trả lại tiền cho ông Hạ.

155. Ông Ngô Chí B14: Ngày 23/02/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-04.

156. Ông Nguyễn B15: Ngày 23/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.3-476.

157. Ông Trương Văn B16: Ngày 23/02/2019 nộp số tiền 600.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.7-37 và B2.7-38.

158. Ông Vũ Thường B17: Ngày 23/02/2019 nộp số tiền 1.500.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.32-389, B2.32-399, B2.32-390.

159. Ông Huỳnh Đắc B18: Ngày 23/02/2019 nộp số tiền 2.000.000.000 đồng giữ chỗ 04 lô đất ký hiệu B2.3-476, B2.3-477, B2.3-478, B2.3-479.

160. Bà Nguyễn Thị Trà B19: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-04.

161. Ông Nguyễn B20: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.34-421.

162. Ông Võ Chiến B21: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.28-269.

163. Ông Thái Hữu B22: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.21-295.

164. Ông Ngô Văn B23: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.32-400.

165. Bà Đỗ Thị Bích B24: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-346.

166. Ông Lê Đình B25: Ngày 25/02/2019 nộp số tiền 1.500.000.000 đồng giữ chỗ 03 lô đất ký hiệu B2.30-344, B2.29-307, B2.30-337.

167. Bà Vũ Thị B26: Ngày 26/02/2019 nộp số tiền 700.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-11.

168. Ông Trương Quang B27: Ngày 26/02/2019 nộp số tiền 1.000.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.10-493 và B2.10-494.

169. Ông Đặng Ngọc B28: Ngày 26/02/2019 nộp số tiền 800.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.32-404.

170. Ông Lê Công B29: Ngày 26/02/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.29-297.

171. Ông Ngô B30: Ngày 04/3/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-21.

172. Ông Nguyễn Văn B31: Ngày 06 và 15/3/2019 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-38 và B2.1-10.

173. Bà Trần Thị Tố B32: Ngày 08/3/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-02.

174. Bà Huỳnh Vy B33: Ngày 08/3/2019 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-35.

175. Ông Hà Đức B34: Ngày 08/3/2019 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-05.

176. Ông Đặng Thanh B35: Ngày 09/3/2019 nộp số tiền 100.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.7-07.

177. Ông Trần Ngọc B36: Ngày 10/3/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-38.

178. Ông Nguyễn Văn B37: Ngày 12/3/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-31.

179. Ông Nguyễn Hữu B38: Ngày 12/3/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-09.

180. Bà Đỗ Thị B39: Ngày 12/3/2019 nộp số tiền 1.900.000.000 đồng giữ chỗ 04 lô đất ký hiệu B2.2-27, B2.6-08, B2.2-29, B2.2-26.

181. Bà Nguyễn Thị Hoài B40: Ngày 12/3/2019 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-32.

182. Bà Nguyễn Thị Huỳnh B41: Ngày 12/3/2019 nộp số tiền 500.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.30-338.

183. Ông Nguyễn Hữu B42: Ngày 13/3/2019 nộp số tiền 400.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.2-13 và B2.2-14.

184. Ông Trần Văn B43: Ngày 11/3 đến 18/3/2019 nộp số tiền 2.400.000.000 đồng giữ chỗ 05 lô đất ký hiệu B2.28-261, B2.29-305, B2.32-395, B2.34-423.

185. Bà Trần Thị Mỹ B44: Ngày 14/03/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-11.

186. Ông Đỗ Văn B45: Ngày 25/3/2019 nộp số tiền 600.000.000 đồng giữ chỗ 02 lô đất ký hiệu B2.1-27 và B2.6-06.

187. Ông Thân Văn B46: Ngày 25/3/2019 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.6-09.

188. Ông Nguyễn Quốc B47: Ngày 26/3/2019 nộp số tiền 200.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.1-19.

189. Ông Phan Cần B48: Từ ngày 14/01 đến ngày 26/3/2019 nộp số tiền 11.500.000.000 đồng giữ chỗ 23 lô đất ký hiệu B2.32-392, B2.32-393, B2.32.394, B2.32-396, B2.32-397, B2.30-335, B2.30-336, B2.3-480, B2.6-483, B2.6-488, B2.6-484, B2.6-485, B2.6-487, B2.21-291, B2.21-292, B2.21-293, B2.29-300, B2.29-301, B2.29-308, B2.29-309, B2.29-310, B2.30-330, B2.30-342.

190. Ông Nguyễn Đắc B49: Tháng 11/2018 đến tháng 3/2019 nộp số tiền 790.000.000 đồng giữ chỗ 3 lô đất ký hiệu B2.32-397và B2.1-09 và B2.1-19. Hiện Th đã trả lại cho ông B49 100.000.000 đồng, còn lại chưa trả.

191. Bà Nguyễn Thị Thanh B50: Từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2019 cho Th vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi nghe tin Th là chủ đầu tư dự án Khu dân cư Nam C nên thì bà B50 thỏa thuận với Th chuyển số tiền 01 này thành thành tiền đặt cọc giữ chỗ của các lô đất ký hiệu: B2.2-21; B2.2-35 và B2.2-36.

192. Ông Nguyễn Văn B51: Ngày 23/10/2018 nộp số tiền 300.000.000 đồng giữ chỗ 01 lô đất ký hiệu B2.2-34.

Tổng cộng, Th chiếm đoạt của 192 bị hại số tiền 103.610.000.000 đồng (Một trăm lẻ ba tỷ, sáu trăm mười triệu đồng). Th đã trả lại cho 21 người số tiền 8.350.000.000 đồng, còn lại chưa trả.

Qua việc môi giới đất đai, Th gặp và quen biết Hồ Cẩm U. Khoảng đầu năm 2018, Th gặp U và rủ về Công ty Q làm việc nhưng U từ chối và nói dối muốn đi học các khóa học về kinh doanh bất động sản tại Thành phố Hồ Chí Minh nên Th hứa lo chi phí cho U đi học để sau khi tốt nghiệp thì về làm việc cho Th. Tuy nhiên, U không đi học mà dùng tiền Th cho để trả nợ và sử dụng cá nhân hết.

Đến tháng 8/2018, do Th thu tiền của nhiều người nhưng không có đất để giao và có nhiều người đòi lại tiền nên Th hỏi U có mối quan hệ quen biết nào để chạy xin dự án. Do thấy Th tin tưởng, U muốn có tiền để sử dụng cá nhân nên đưa ra thông tin gian dối là có quan hệ quen biết lãnh đạo cấp cao tại Trung ương có thể xin được cho Công ty Q được làm chủ đầu tư các lô đất tại Khu vực Bệnh viện đa khoa HX và dự án Khu dân cư đường Đ3 và phải tốn chi phí. U đưa tài khoản số 0041000280422 đứng tên Hồ Cẩm U mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng để Th chuyển tiền.

Mỗi khi U gọi điện bảo cần tiền để lo công việc, Th trực tiếp hoặc nhờ anh ruột là Nguyễn Đắc B49 chuyển tiền vào tài khoản cho U. Từ ngày 10/4/2018 đến ngày 27/3/2019, Th đã chuyển vào tài khoản số 0041000280422 của Hồ

Cẩm U tổng cộng 92.289.934.000 đồng. Số tiền này U sử dụng chi tiêu cá nhân gồm trả nợ, mua xe ô tô, mua nhà, đất, căn hộ chung cư, mua sắm đồ thời trang cao cấp, đồ dùng cá nhân, du lịch, chuyển trả lại cho Th số tiền 1.233.104.500 đồng…Các tài sản U nhờ bà Ngô Thị Minh H1 (mẹ ruột), Hồ Vy P (chị ruột) và Nguyễn Văn S (chồng) đứng tên đều được những người này giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Mặc dù suốt quá trình nhờ U "chạy" dự án, U không đưa cho Th bất cứ văn bản, tài liệu hoặc vật gì để thể hiện việc có khả năng giúp Công ty Q được giao làm chủ đầu tư các dự án nhưng Th vẫn tiếp tục nhận tiền của các bị hại nêu trên và nhiều lần chuyển cho U.

Kết quả điều tra, xác định được:

- U đưa cho bà Ngô Thị Minh H1 (mẹ ruột) và Hồ Vy P để trả nợ cho các khoản nợ mà bà H1 và P trả nợ thay cho U trước đó khoảng 5 tỷ đồng; chuyển khoản cho Nguyễn Văn S (chồng) khoảng hơn 5 tỷ đồng, chuyển khoản cho bà Ngô Thị Minh H1 số tiền khoảng hơn 6 tỷ đồng.

- Mua một xe ô tô hiệu Mazda CX5 trị giá 1.150.000.000 đồng đứng tên U nhưng U cho Hồ Vy P mượn để sử dụng.

- Mua một xe ô tô hiệu Mercedes S450 trị giá 4 tỷ đồng cho bà Ngô Minh H1 đứng và sử dụng.

- Mua một xe ô tô hiệu Honda Civic trị giá 1,050 tỷ đồng đứng tên ông Nguyễn Văn S là chồng của U;

- Mua một căn hộ số 1711 chung cư F giá 2,5 tỷ đồng;

- Mua một lô đất tại đường NC, quận L5 với giá 05 tỷ đồng;

- Mua cho mẹ 02 căn hộ chung cư F giá 06 tỷ đồng;

- Mua cho mẹ một căn nhà tại 33 đường BN, quận L5 giá 4,5 tỷ đồng;

- Mua một căn hộ tại Hà Nội trị giá khoảng 3 tỷ đồng và nhờ Đào Lê P đứng tên giùm;

- Chi tiền ở khách sạn Sofitel Legend Metropole tại Hà Nội hết số tiền: 2.118.272.102 đồng;

- Chi mua vé máy bay để đi lại hơn 1,5 tỷ đồng;

- Chi mua sắm đồ dùng thời trang;

+ Mua tại Công ty TNHH Quốc tế Tam Sơn với số tiền 11.198.360.060 đồng;

+ Mua tại Công ty TNHH Louis Vuitton Việt Nam tại Hà Nội hết số tiền 4.913.750.000 đồng;

+ Mua sắm đồng hồ thời trang tại Công ty TNHH S&S Indochine với số tiền 7.355.819.760 đồng;

Tất cả số đồ dùng này U đã dùng để bán, tặng, cho một số người nhưng không có cơ sở xác minh, một số U đưa cho Đào Lê P mang về Hà Nội bán; một số đã sử dụng bị hư hỏng, một số còn lại Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Ngoài ra, U còn dùng số tiền này mua sắm các đồ dùng xa xỉ phẩm; ăn uống và bao người thân đi du lịch, số tiền này không xác minh và thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 15/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Thị Bích Th, Hồ Cẩm U** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 39 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Bích Th mức án: Tù chung thân.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/04/2019.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 39 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Hồ Cẩm U mức án: Tù chung thân.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/04/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý tang vật chứng, tài sản thu giữ được, về việc truy thu, thu hồi các khoản tiền được lợi không có căn cứ pháp luật, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2021 và ngày 23/01/2021, bị cáo Th, bị cáo U đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên các bị cáo đều cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt bị cáo tù Chung thân là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 15/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Minh H1 (mẹ) nộp 50.000.000 đồng và bà Hồ Vy P là chị của Hồ Cẩm U nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại các biên lai thu số 0000921 và 0000920 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ngày 15/4/2021.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U, trong hạn luật định nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt,

tuy nhiên xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng, xử phạt các bị cáo tù chung thân là phù hợp, không nặng. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo cũng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U đều thống nhất về tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo, tuy nhiên cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi; tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Lợi dụng tình hình sốt lên của thị trường bất động sản tại thành phố Đà Nẵng trong thời điểm giữa cuối năm 2018, đầu năm 2019 và lợi dụng sự thiếu hiểu biết cộng với ham lợi giá rẻ của khách hàng, người mua đất; nên cuối năm 2017 Nguyễn Thị Bích Th đã thành lập Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Q (gọi tắt là Công ty Q), có ngành nghề kinh doanh bất động sản với số vốn điều lệ 30 tỷ đồng (thực chất thành viên góp vốn là hợp thức và không có số vốn điều lệ như đã đăng ký), Công ty chỉ do mình Th điều hành.

Sau khi thành lập Công ty, Th thông qua những người chuyên môi giới bất động sản như Nguyễn Vinh H4, Phạm Hữu P1, Nguyễn Ngọc H13, Nguyễn Quang V5; Th có được các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu bản sao của các dự án là dự án Bệnh viện Đa khoa HX, gồm 184 lô đất (đã bị Nhà nước thu hồi) và dự án khu dân cư Nam cầu C, 121 lô đất đường Đ3.

Mặc dù biết quỹ đất chia lô tại các phân khu B2-1, B2-2, B2-6 và B2-7 thuộc dự án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 theo QĐ 7754/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, gồm 184 lô đất tại dự án này hiện chưa được đầu tư hạ tầng, không nằm trong quỹ đất để trình UBNDTP-ĐN cho phép đấu giá quyền sử dụng đất. Đối với 121 lô đất mặt tiền

đường Đ3, khu D khu dân cư Nam cầu C, phường HX dù nằm trong quỹ đất do Trung tâm phát triển quỹ đất trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét trình UBNDTP-ĐN cho phép đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2017 nhưng vẫn chưa được phê duyệt chủ trương để tiến hành các bước tiếp theo về thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất nhưng Nguyễn Thị Bích Th với danh nghĩa là Tổng giám đốc Công ty Q. Mặc dù, biết rõ không được cấp phép đầu tư cũng như được giao quyền phân phối các lô đất trên; nhưng Nguyễn Thị Bích Th đã sử dụng pháp nhân tuyển nhân viên tư vấn, thuê vẽ sơ đồ phân lô đất phát tờ rơi quảng cáo, đưa ra thông tin gian dối là Công ty có thẩm quyền phân phối, nhận tiền đặt cọc giữ chỗ và chuyển quyền sử dụng đất đối với các lô đất nêu trên với giá rẻ hơn giá được giao dịch trên thị trường, đồng thời hứa hẹn thời gian tổ chức mở bán và ký hợp đồng chuyển nhượng với khách hàng. Mục đích để các nhà đầu tư tin tưởng liên hệ ký kết "Thỏa thuận cọc thiện chí" và "Thỏa thuận giữ chỗ" nộp tiền giữ chỗ để chiếm đoạt. Th sử dụng tiền để "chạy" xin thủ tục pháp lý và chi phí cho hoạt động của Công ty Q,

Tháng 8/2018 do hết hạn hợp đồng không có đất để giao theo thỏa thuận người mua, qua môi giới đất đai Th quen biết Hồ Cẩm U và nhiều lần gặp nhau trao đổi. Th hỏi U có mối quan hệ quen biết nào để chạy "xin dự án", mặt dù không quen biết ai ở lãnh đạo cấp cao tại Trung ương nhưng U đưa ra thông tin gian dối là quen biết nhiều người, kèm theo số tài khoản đứng tên mình để Th chuyển tiền. Bằng thủ đoạn như trên, từ ngày 20/7/2018 đến ngày 03/4/2019, Th chiếm đoạt của 192 người đặt tiền cọc mua 302 lô đất tại dự án Khu dân cư Nam C và tại dự án Khu dân cư đường Đ3, phường HX, quận C, tp Đà Nẵng với số tiền là: 103.610.000.000 đồng. Từ ngày 10/4/2018 đến ngày 27/3/2019, Th đã chuyển vào tài khoản số 0041000280422 của Hồ Cẩm U tổng cộng 92.289.934.000 đồng. Số tiền này U sử dụng chi tiêu cá nhân gồm trả nợ, mua xe ô tô, nhà đất, căn hộ chung cư đi du lịch, tiêu xài cá nhân và trả lại cho Th 1.233.104.500 đồng. Với hành vì trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xử các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì mục đích vụ lợi, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của gần 200 người bị hại với số tiền

chiếm đoạt rất lớn, lên đến hàng trăm tỷ đồng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, đồng thời gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, đối với các bị cáo cần xử phạt nghiêm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, xử phạt mỗi bị cáo mức án tù chung thân là thỏa đáng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về dân sự: Ngô Minh H1 đã nộp 50.000.000 đồng, bà Hồ Vy P là chị của Hồ Cẩm U nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại các biên lai thu số 0000921 và 0000920 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ngày 15/4/2021 sẽ được khấu trừ để trả nợ trong giai đoạn thi hành dân sự.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 39 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Bích Th mức án: Tù Chung thân.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/04/2019.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, e khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 39 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Hồ Cẩm U mức án: Tù Chung thân.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/04/2019.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Bích Th và Hồ Cẩm U, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
-Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (TTG tống đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- UBND phường T1, quận T2, thành phố Đà Nẵng (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn